

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127 /2019/HNGĐ-ST

Yên Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2019

Ngày: 27/11/2019

V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Phạm Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **05/2019/TLST-HNGĐ** ngày 08 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **238/2019/QĐXX-ST** ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L – sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: xóm V, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Mai Viết T – sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: xóm V, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.(có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An – Đại diện: ông Phan Hữu Trang – Chức vụ: Giám đốc(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Mai Viết T kết hôn ngày 18/3/1997, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã ĐT. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, đánh đập chị, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, chị cố gắng chịu đựng để con cái trưởng thành nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên

trầm trọng hơn. Hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai đề ngày 24/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Viết T trình bày như sau: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như Chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm bình thường được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo anh do tính tình không phù hợp, thường xuyên xảy ra xung khắc, những lúc uống say có cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 3 con chung là: Mai Thị T - sinh năm 1997; Mai Thị N - sinh tháng 02/2001; Mai Viết T – sinh ngày 25/4/2003. Hiện cháu Tứ, cháu Nhị đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Tài cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có tài sản chung như sau:

Đất ở 200 m²; đất trồng cây lâu năm 466m², tổng là 666 m². Đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh T cho vợ chồng sử dụng ổn định từ năm 1997 cho đến nay, đến ngày 06/9/2014 thì được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của anh T, Chị L. Qua kiểm tra sử dụng thực tế thì diện tích có giảm so với Giấy chứng nhận, anh chị cũng chấp nhận theo diện tích thực tế là 589 m². Về giá trị đất anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá mà tự xác định giá trị: đất ở: 750.000 đồng x 200m² = 150.000.000 đồng, đất trồng cây lâu năm: 75.000 đồng x 389m² = 29.175.000 đồng.

Trên thửa đất (phía Bắc) có 1 nhà vê 3 gian cấp bốn được bố mẹ anh T làm từ năm 1990, hiện đã xuống cấp; ngoài ra còn có nhà tắm, nhà vệ sinh do vợ chồng xây dựng vào năm 2012. Nhà vê, nhà tắm, nhà vệ sinh có giá trị tự định giá là 20.000.000 đồng.

Trên thửa đất (phía Nam) có 2 gian chuồng trâu + chuồng lợn do vợ chồng làm vào năm 2010 có trị giá tự định giá là 2.000.000 đồng.

Đối các tài sản là động sản hai bên thống nhất không định giá gồm có: 1 xe máy hiệu HONDA WAVE đứng tên Chị L, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ 2 buồng, ti vi, bàn ghế xa lông, 2 giường gỗ. Hai bên thỏa thuận: giao Chị L được quyền sở hữu: xe máy, tủ lạnh, máy giặt; giao anh T được quyền sở hữu: 01 tủ 2 buồng, 01 ti vi, 01 bộ bàn ghế xa lông, 02 giường gỗ. Số tài sản này đang do anh T quản lý.

Về nợ: Chị L, anh T thống nhất: vào tháng 11/2012 Chị L đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Thành số tiền gốc là 32.000.000 đồng(chia thành nhiều đợt) cho con gái là Mai Thị T đi học Trường

trung cấp nghề, lãi suất đã trả được đến hết năm 2018. Tính đến ngày xét xử số tiền nợ được xác định: gốc là 32.000.000 đồng, lãi là 2.350.000 đồng, tổng gốc và lãi là: 34.350.000 đồng. Đối khoản nợ này hai bên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*/ Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Thành ông Phan Hữu Trang trình bày: từ tháng 11/2012 đến tháng 3/2015 chị Bùi Thị L đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Thành 06 đợt với tổng số tiền gốc là 32 triệu đồng, lãi suất theo thỏa thuận và trả hàng tháng, lãi đã trả được đến hết năm 2018, từ tháng 01/2019 đến nay Chị L không trả thêm khoản lãi nào khác. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Chị L phải trả nợ gốc là 32.000.000 đồng, lãi tính tiếp, tạm đến ngày hôm nay (27/11/2019) là 2.350.000 đồng, tổng gốc và lãi là: 34.350.000 đồng.

Về phân chia tài sản là đất, công trình trên đất và nợ:

+ Chị L đề nghị: yêu cầu chia đôi giá trị tài sản và nợ, chia đôi diện tích đất(theo diện tích đất đã được kiểm tra thực tế), ưu tiên anh T nhận phần đất có nhà vệ 3 gian cấp bốn. Để thuận tiện trong việc trả nợ chị xin nhận trách nhiệm trả nợ, nhưng Tòa án phải cân đối khi phân chia tài sản, bù trừ chênh lệch để mỗi bên được hưởng là ngang nhau.

+ Anh T đề nghị: Tài sản chung là đất và công trình trên đất anh đề nghị giao lại toàn bộ cho con trai là Mai Viết T được quyền sở hữu, sử dụng(khi con đủ 18 tuổi) anh không đồng ý phân chia đất cho Chị L như chị đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điều khoản 1 điều 228 BLTTDS vẫn tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án.

Nội dung:

Xét hôn nhân giữa Chị L và anh T là hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng nhiều năm gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra ngày một căng thẳng và trầm trọng, hai bên cũng xác nhận mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng từ nhiều năm nay. Anh chị đã chính thức ly thân từ giữa năm 2018, không còn quan tâm qua lại với nhau nữa, tình cảm đã thực sự rạn nứt, khả năng để hàn gắn đoàn tụ là không thể. Xét đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, Chị L yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Vì vậy cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Hiện nay cháu Mai Viết T chưa đủ 18 tuổi và đang do Chị L chăm sóc. Xét nguyện vọng nuôi con của Chị L là hoàn toàn chính đáng, hơn nữa qua lấy lời khai thì cháu Tài cũng có nguyện vọng tiếp tục được sinh sống cùng Chị L. Vì vậy nghĩ nên giao cháu Tài cho Chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung: Chị L, anh T thống nhất có khối tài sản chung và nợ Ngân hàng như đã nêu ở trên, nhưng anh T đề nghị giao đất và các công trình trên đất cho con trai là Mai Viết T được quyền sử dụng, sở hữu, không đồng ý phân chia. Về nội dung này Tòa án thấy rằng: Mặc dù nguồn gốc đất mà vợ chồng đang sử dụng là do bố mẹ anh T cho vợ chồng, nhưng thời gian sử dụng đến nay đã hơn 22 năm, quá trình sử dụng ổn định không có tranh chấp, vợ chồng cũng đã xây dựng khuôn viên và tạo lập thêm được một số công trình trên đất. Đây là tài sản được xác định là tài sản chung của vợ chồng, cháu Tài đang sống phụ thuộc không có công sức gì trên mảnh đất này. Việc giao lại nhà đất cho cháu Tài, Chị L không nhất trí, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của anh T. Cần chia đôi diện tích đất, cân đối giá trị tài sản được giao, nghĩa vụ trả nợ để cân bằng giá trị về tài sản cho vợ chồng.

Qua kiểm tra xác minh thực tế thì diện tích thửa đất Chị L, anh T đang sử dụng có diện tích là 589 m²(trong đó 200m² đất ở, 389 m² đất trồng cây lâu năm). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị L đề nghị giao cho anh T ½ diện tích đất, phần đất có nhà về cấp bốn 3 gian(phía bắc), chị xin nhận phần đất trồng. Vì vậy, cần giao cho anh T được quyền sử dụng 294,5 m² đất(tương ứng 100m² đất ở; 194,5 m² đất trồng cây lâu năm, trong 194,5 m² có 82 m²(phần tiếp giáp đường tỉnh lộ 538 mới) là phần đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng công trình kiên cố) có giá trị 89.587.000 đồng, được quyền sở hữu nhà cấp bốn và công trình trên đất có giá trị 20.000.000 đồng. Ngoài ra giao cho anh T được quyền sở hữu 01 tủ 2 buồng, 01 tivi, 01 bộ bàn ghế sa lông; 02 giường gỗ. Tổng giá trị tài sản anh T được giao là 109.587.000 đồng.

Giao cho Chị L được quyền sử dụng ½ diện tích đất còn lại phần phía Nam có giá trị 89.587.000 đồng, được quyền sở hữu công trình trên đất có giá trị 2.000.000 đồng. Ngoài ra Chị L được quyền sở hữu 01 xe máy hiệu Honda Wave; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt. Tổng giá trị tài sản Chị L được giao là 91.587.000 đồng. Chị L phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thành số tiền là 34.350.000 đồng. Như vậy, cân đối giữa tài sản Chị L được giao và số tiền phải trả nợ; cân đối với giá trị tài sản mà anh T được giao.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ giao lại cho Chị L số tiền bù trừ chênh lệch tài sản là 26.175.000 đồng.

Về án phí: Chị L, anh T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự. Về phần con chung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, giao cháu Mai Viết T cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành; về tài sản thì đề nghị chia đôi diện tích đất, chia đôi giá trị tài sản cho mỗi bên.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị L** và anh **Mai Viết T**.

Về con chung: Giao con chung là Mai Viết T – sinh ngày 25/4/2003 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Anh Mai Viết T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung:

*/ Giao cho anh Mai Viết T được quyền sử dụng 294,5 m² đất, phần phía Bắc(tương ứng 100m² đất ở; 194,5 m² đất trồng cây lâu năm, trong 194,5 m² có 82 m²(phần tiếp giáp đường tỉnh lộ 538 mới) là phần đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng công trình kiên cố) có giá trị 89.587.000 đồng, có tứ cận cụ thể như sau: cạnh phía Bắc giáp đất ông Mai Viết Ninh là đường thẳng gấp khúc gồm các đoạn 14,55m + 2,55m + 8,74m; cạnh phía Đông giáp đường tỉnh lộ 538 mới có chiều rộng là 9,4m; cạnh phía Tây giáp đất ông Huỳnh có chiều rộng là 13,4m; Cạnh phía Nam là đường thẳng nối 2 điểm cuối của cạnh phía Đông và phía Tây có chiều dài 27,78m.

Giao cho anh Mai Viết T được quyền sở hữu 01 nhà vệ cấp bốn 3 gian + nhà tắm + nhà vệ sinh có giá trị 20.000.000 đồng; 01 tủ 2 buồng, 01 ti vi, 01 bộ bàn ghế sa lông; 02 giường gỗ. Tổng giá trị được giao:109.587.000 đồng.

Anh T phải có nghĩa vụ giao lại cho Chị L số tiền bù trừ chênh lệch tài sản là 26.175.000 đồng.

*/ Giao cho chị Bùi Thị L được quyền sử dụng 294,5 m² đất, phần phía Nam(tương ứng 100m² đất ở; 194,5 m² đất trồng cây lâu năm, trong 194,5 m² có

82 m2(phần tiếp giáp đường tỉnh lộ 538 mới) là phần đất nằm trong quy hoạch mở đường không được xây dựng công trình kiên cố) có giá trị 89.587.000 đồng, có tứ cận cụ thể như sau: cạnh phía Bắc là ranh giới với phần đất giao cho anh T có chiều dài 27,78m; cạnh phía Đông giáp đường tỉnh lộ 538 mới có chiều rộng là 9,4m; cạnh phía Tây giáp đất ông Huỳnh có chiều rộng là 10,35m; cạnh phía Nam(giáp ngõ xóm) có chiều dài là 31,93m.

Giao cho Chị L được quyền sở hữu: chuồng trâu + chuồng lợn trị giá 2.000.000 đồng; 01 xe máy hiệu HONDA WAVE đứng tên Chị L, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt. Tổng giá trị được giao: 91.587.000 đồng.

Chị L phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thành số tiền là 34.350.000 đồng(lãi suất tạm tính đến ngày 27/11/2019).

Chị L được quyền nhận từ anh T số tiền bù chênh lệch về giá trị tài sản là 26.175.000 đồng.

Chị L, anh T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được tách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nòu tròn anh T chưa thi hành, thờ hàng thông cũn phải chịu thòm khoản tiền lói của số tiền cũn phải thi hành ỏn theo mức lói suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Thành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nợ Chị L chưa thi hành, thờ hàng thông cũng phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền cũng phải thi hành ỏn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí DSST và 4.170.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.749.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003259 ngày 07/01/2019. Chị L còn phải nạp thêm tiền án phí là 722.000 đồng.

Anh T phải nộp án phí chia tài sản là 4.170.000 đồng

Án xử công khai sơ thẩm Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Phạm Văn Giang